

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2023

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc An.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Công Minh.

2. Ông Phan Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Duy Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GCD, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GCD, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 515/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm xxxx.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VT, xã BN, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm xxxx.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VT, xã BN, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh S sống chung năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BN, huyện GCD vào năm 2002. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên ăn nhậu, mê chơi cờ bạc, không chăm sóc cho vợ con, sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay thấy không còn tình cảm với anh S, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Phú T1, sinh ngày 13/5/2004, Nguyễn Minh Th, sinh ngày 23/5/2018 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/3/2020. Sau khi ly hôn, cháu Thịnh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T yêu cầu

được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Minh Th và Nguyễn Minh H, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GCD, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Minh S, giao 02 con chung tên Nguyễn Minh Th và Nguyễn Minh H cho chị T nuôi dưỡng, riêng cháu Thịnh đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Minh S sống chung từ năm 2000, kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BN, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 228, quyền số 02/2002 ngày 26/9/2002, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Nguyễn Thị Thu T cho rằng quá trình sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh nguyên nhân mâu thuẫn do anh S thường xuyên ăn nhậu, mê chơi cờ bạc, không chăm sóc cho vợ con, sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay không còn tình cảm với anh S nên chị T xin ly hôn với anh S.

[4] Bị đơn anh Nguyễn Minh S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

[5] Xét, chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Minh S thường hay xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc cũng như cuộc sống, không có tiếng nói chung; anh S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Minh S không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra qua xác minh của chính quyền địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh S và chị T là do anh S ăn chơi gây nợ nần, có quan hệ với người phụ nữ khác, nên chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh S là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Phú T1, sinh ngày 13/5/2004, Nguyễn Minh Th, sinh ngày 23/5/2018 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/3/2020. Sau khi ly hôn, cháu Thịnh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Minh Th và Nguyễn Minh H, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét, anh Nguyễn Minh S cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T và cháu Nguyễn Minh Th và Nguyễn Minh H đang ở cùng với chị T nên yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Th, sinh ngày 23/5/2018 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/3/2020 của chị T là có căn cứ, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Riêng cháu Nguyễn Phú T1 đã trưởng thành, lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu anh Nguyễn Minh S cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh S không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các điều 51, 53, 56, Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Minh Th, sinh ngày 23/5/2018 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 29/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng, riêng cháu Nguyễn Phú T1 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, anh Nguyễn Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Thu T không có yêu cầu cấp dưỡng.

Anh Nguyễn Minh S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có;

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0028372 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCD, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- UBND xã BN, huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An